

Bản án số: 1148/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 28 - 8 - 2024

V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Trần Thúy Duyên

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Lý

Bà Châu Thị Lệ

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Thảo Nguyên - Thư ký Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Phượng - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 442/2024/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 4 năm 2024 về: "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 354/2024/QĐXXST- HNGĐ ngày 08 tháng 7 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 324/2024/QĐST - HNGĐ ngày 01 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Đinh Hoàng L, sinh năm 1990; địa chỉ: Số M đường D, tổ 15, khu phố 02, Phường N, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh. (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

Bị đơn: Bà Phạm Thị Tuyết M, sinh năm 1999; địa chỉ nơi cư trú cuối cùng: Số 364/44 đường D, Phường N, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 01 tháng 4 năm 2024 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Đinh Hoàng L trình bày:

Ông và bà Phạm Thị Tuyết M chung sống với nhau vào năm 2019 trên cơ sở tự nguyện; đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường N, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận kết hôn số 41 ngày 12/3/2019. Vợ chồng chung sống một thời gian rất ngắn đến ngày 10/5/2019 bà M bỏ nhà đi đến nay không rõ tung tích, ông đã nhiều lần liên hệ với bà nhưng không được. Tháng

3/2024, ông nộp đơn yêu cầu Tòa án nhân dân quận G giải quyết yêu cầu tuyên bố bà M mất tích, dù đã đăng tin tìm kiếm nhưng vẫn không có bất kỳ thông tin nào nên Tòa án đã tuyên bố bà mất tích theo Quyết định số 92/2024/QĐST-DS ngày 18/3/2024. Nay ông xác định vợ chồng không còn tình cảm, khả năng hàn gắn không còn nên đề nghị Tòa giải quyết cho ông được ly hôn với bà M.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung, nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa đưa vụ án ra xét xử vắng mặt và vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bị đơn đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, giấy triệu tập; các thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải; quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng không giao nộp cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ kèm theo; đồng thời vắng mặt không lý do trong suốt quá trình tố tụng và tại phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng, đầy đủ trình tự thủ tục tố tụng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Nguyên đơn ông Đinh Hoàng L có đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn với bị đơn bà Phạm Thị Tuyết M. Do đó, Hội đồng xét xử xác định đây là tranh chấp về “Ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Theo kết quả xác minh của Công an Phường N, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh thể hiện bị đơn thực tế có cư trú tại số 364/44 đường D, Phường N, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh nhưng từ ngày 10/5/2019 đến nay chuyên đi đâu không rõ nơi đến nên vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân quận G, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa đưa vụ án ra xét xử vắng mặt; bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Căn cứ vào Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 41 do Ủy ban nhân dân Phường 05, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 12/3/2019, xác định hôn nhân giữa ông L và bà M là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Nguyên nhân ông L xin ly hôn là do ngay sau khi kết hôn một thời gian ngắn thì bà M bỏ nhà đi đến nay không rõ tung tích và Tòa án nhân dân quận G đã tuyên bố bà mất tích theo Quyết định số 92/2024/QĐST-DS ngày 18/3/2024. Xét thấy, sau 02 tháng chung sống bà M đã bỏ nhà đi đến nay, hoàn toàn không liên lạc với ông L điều này chứng tỏ cuộc sống chung không hạnh phúc, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, khả năng đoàn tụ không có, quan hệ hôn nhân chỉ còn là hình thức. Căn cứ khoản 2 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử nhận thấy yêu cầu xin ly hôn của ông L là chính đáng, phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung, nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Án phí hôn nhân sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu án phí về ly hôn là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[6] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 4 Điều 147, Điều 266, Điều 271, Điều 273, Điều 278 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các điều 51, 56, 57 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Đinh Hoàng L được ly hôn với bà Phạm Thị Tuyết M (Giấy chứng nhận kết hôn số 41 do Ủy ban nhân dân Phường N, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 12/3/2019 hết hiệu lực pháp luật).

2. Về con chung: Không có.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng nguyên đơn phải chịu, được cân trừ vào tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0013112 ngày 11/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông L đã nộp đủ án phí.

Thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền được thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo:

Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại địa phương.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND Q.GV;
- Chi cục THADS Q.GV;
- Cơ quan thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(đã ký)

Nguyễn Trần Thúy Duyên